

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Thực hiện dự án Khu đô thị thành phố công nghệ xanh Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2026 của UBND phường Đại Mỗ)

I NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ÔNG NGUYỄN TRẦN KHOA ( NGUYỄN TRẦN ĐOÌ).

- Địa chỉ thường trú:

TDP số 1 Ngọc Trục, Phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

- Địa chỉ giải phóng mặt bằng:

Phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội

1 Tổng diện tích đất đang sử dụng:

1.428,0 m2 Trong đó:

- Đất nông nghiệp được giao theo ND 64/CP, đã được cấp GCNQSD đất, nằm trong hạn mức giao đất:

1.214,0 m2

- Diện tích đất phần trăm làm nhà (theo phương án giao đất nông nghiệp):

214,0 m2

2 Diện tích đất nằm trong chỉ giới thu hồi:

426,0 m2 Trong đó:

- Đất nông nghiệp được giao theo ND 64/CP, đã được cấp GCNQSD đất, nằm trong hạn mức giao đất:

426,0 m2

- Tỷ lệ thu hồi đất:

29,83%

- Số nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp:

4 khẩu

+ Diện tích đang sản xuất nông nghiệp:

426 m2 Thuộc thửa đất số 538 tờ bản đồ số 24

3 Căn cứ Biên bản số 22/BB-QLDA ngày 01/08/2025; Giấy xác nhận số 187/GXN-UBND ngày 23/12/2027 của UBND phường Đại Mỗ thay thế cho Giấy xác nhận số 35/GXN-UBND ngày 29/08/2025

II PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

STT	Nội dung bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	<b>Bồi thường về đất:</b>					<b>123.540.000</b>	<b>(1)</b>
-	Đất nông nghiệp được giao theo ND 64/CP, đã được cấp GCNQSDĐ	m2	426,0	290.000	100%	123.540.000	Căn cứ Nghị quyết 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 Quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội
2	<b>Các khoản hỗ trợ:</b>					<b>623.676.000</b>	<b>(2)</b>
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi bị Nhà nước thu hồi đất (Thực hiện theo khoản 5 Điều 109 Luật đất đai 2024 và Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ). Mức hỗ trợ căn cứ theo Điều 16 Bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội. Mức hỗ trợ (05 lần x 290.000 đồng/m2 = 1.450.000đồng/m2)	m2	426,0	1.450.000	100%	617.700.000	
-	Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ gia đình, cá nhân ( tỷ lệ % mất đất dưới 30%). Mức hỗ trợ căn cứ theo mục 3 Phụ lục Chính sách hỗ trợ khác đối với từng trường hợp cụ thể ban hành theo Quyết định số: 56/2024/QĐ-UBND ngày 6/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội. Mức hỗ trợ: 30kg gạo x 16.600 VNĐ x 03 tháng = 1.494.000 VNĐ/ người	khẩu	4	1.494.000	100%	5.976.000	
-	Thưởng tiền độ giải phóng mặt bằng (theo Điều 1 Khoản 5 Điều 1, Quyết định số: 10/2026/QĐ-UBND ngày 18/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND Thành phố: 10.000 đồng/m2 nhưng không quá 10.000.000 đồng/chủ sử dụng)	m2	426,0	10.000	100%	0	Không xem xét hỗ trợ do hộ gia đình, cá nhân không phối hợp trong công tác kê khai, điều tra hiện trạng về đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định
3	<b>Bồi thường về cây cối, hoa màu:</b>					<b>6.523.125</b>	<b>(3)</b>
-	<b>Cây trồng trên thửa đất số 303 tờ bản đồ số 23 diện tích 426 m2</b>						
+	Bưởi: 20 cm ≤ ĐK thân < 25 cm; cao > 6 m	cây	20	598.500	50%	5.985.000	
+	Sỉ : 10 cm < ĐK thân ≤ 15 cm; cao ≥ 2 m	cây	12	73.500	50%	441.000	
+	Sỉ : 10 cm < ĐK thân ≤ 15 cm; cao ≥ 2 m	cây	3	73.500	25%	55.125	vượt hạn mức 30%
+	Chuối: Loại cao ≥ 1m, chưa có buồng	cây	8	21.000	25%	42.000	vượt hạn mức 30%
<b>Tổng cộng: (1+2+3)</b>						<b>753.739.125</b>	

(Bảng chữ: Bảy trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn một trăm hai mươi lăm đồng./.)